

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐÀ LẠT

Nguyễn Thị Thuý

Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Tóm tắt: Tác giả áp dụng nghiên cứu định tính để xây dựng thang đo và định lượng để kiểm định mô hình nghiên cứu. Thông qua khảo sát người học tại Trường Cao đẳng Đà Lạt và được phân tích trên phân tích thống kê SPSS phiên bản 20. Phân tích hồi quy chỉ ra bốn yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của người học là sinh viên tại Trường Cao đẳng Đà Lạt, các yếu tố được sắp xếp theo mức độ tác động tăng dần như sau: Nhận thức về lợi ích của NCKH ($\beta = 0,094$), Điều kiện thực hiện NCKH tại trường ($\beta = 0,128$), Năng lực của sinh viên ($\beta = 0,186$), và Chính sách Nhà trường ($\beta = 0,574$). Ngoài việc kiểm nghiệm tính thực tế của các mô hình lý thuyết, nghiên cứu còn cung cấp cơ sở thực tiễn cho Trường Cao đẳng Đà Lạt trong việc hoạch định các chính sách quản lý phù hợp để thu hút sinh viên tham gia NCKH.

Từ khóa: Cao đẳng Đà Lạt, nghiên cứu, sinh viên, ý định NCKH, yếu tố ảnh hưởng

1. GIỚI THIỆU

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển tư duy sáng tạo, năng lực nghiên cứu cũng như tác phong làm việc khoa học cho sinh viên. Thông qua quá trình tham gia NCKH, người học không chỉ được tiếp cận với phương pháp luận khoa học hiện đại mà còn được rèn luyện kỹ năng tư duy phân tích, tổng hợp thông tin, lập luận logic và làm việc nhóm hiệu quả. Đây là môi trường lý tưởng để sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, từ đó giải quyết những vấn đề đặt ra trong khoa học và đời sống (Zikmund, 2000). Hoạt động này đóng vai trò hỗ trợ thiết yếu cho quá trình học tập chính khóa, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, để duy trì và thúc đẩy sự tham gia tích cực của sinh viên trong NCKH, cần có cơ chế hỗ trợ đồng bộ từ đội ngũ giảng viên, nhà trường và các tổ chức liên quan.

Trường Cao đẳng Đà Lạt được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 18/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao

động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng vào Trường Cao đẳng Nghề Đà Lạt và đổi tên thành Trường Cao đẳng Đà Lạt. Trường đào tạo các nghề đảm bảo người lao động có kiến thức, kỹ năng sư phạm và nghề nghiệp theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng; Trung cấp và Sơ cấp thuộc các khoa Kinh tế, Công nghệ Thông tin, Điện – Điện tử, Cơ khí Động lực, Công nghệ Sinh học, Khoa học Cơ bản, Sư phạm, Ngoại ngữ và Du lịch. Tuy nhiên số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh sinh viên còn ít, năm học 2024-2025 có 2 đề tài nghiên cứu của học sinh sinh viên được nghiệm thu. Hiện nay, chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố liên quan, từ đó cung cấp cơ sở thực tiễn cho Trường Cao đẳng Đà Lạt trong việc hoạch định các chính sách quản lý phù hợp để thu hút sinh viên tham gia NCKH.

2. TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm về Nghiên cứu Khoa học

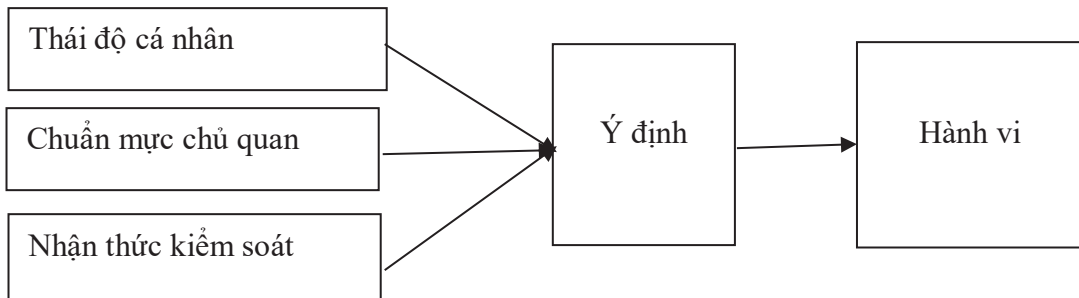
NCKH được định nghĩa như là một chuỗi các bước có tính hệ thống nhằm khám phá và giải thích dựa trên các nguyên tắc phương pháp luận khoa học (Babbie, 1989). Trong lĩnh vực kinh doanh, hoạt động này cung cấp những dữ liệu khách quan và tin cậy để làm cơ sở cho các quyết định quản lý (Zikmund, 2000).

2.1.2. Các lý thuyết nền tảng

Khung lý thuyết: Lý thuyết hành vi dự định (Theory of Planned Behavior – TPB) do Ajzen đề xuất năm 1985 và Thuyết Tự

quyết (Self-Determination Theory – SDT) được phát triển bởi Ryan và Deci vào năm 2017.

TPB được Ajzen (1985) mở rộng Lý thuyết Hành động Hợp lý (TRA) bằng cách đưa thêm khái niệm Nhận thức Kiểm soát Hành vi (Perceived Behavioral Control). Trong mô hình nghiên cứu hiện tại, TPB đóng vai trò khung lý thuyết tổng thể: thái độ cá nhân và chuẩn mực chủ quan thúc đẩy ý định, còn niềm tin vào học thuật và tài nguyên học thuật là các thành phần của nhận thức kiểm soát, qua đó ảnh hưởng đến khả năng tham gia NCKH. Đồng thời, các chính sách khuyến khích của nhà trường được xem như tác nhân bên ngoài, ảnh hưởng đến cả ba thành tố chính của TPB.



Hình 1. Mô hình TPB

(Nguồn: Ajzen, 1985)

Thuyết Tự quyết (SDT) được tổng hợp và phát triển bởi Ryan và Deci (2017), là một lý thuyết toàn diện về động lực, sự phát triển và hạnh phúc của con người. SDT khẳng định rằng con người có ba nhu cầu tâm lý cơ bản:

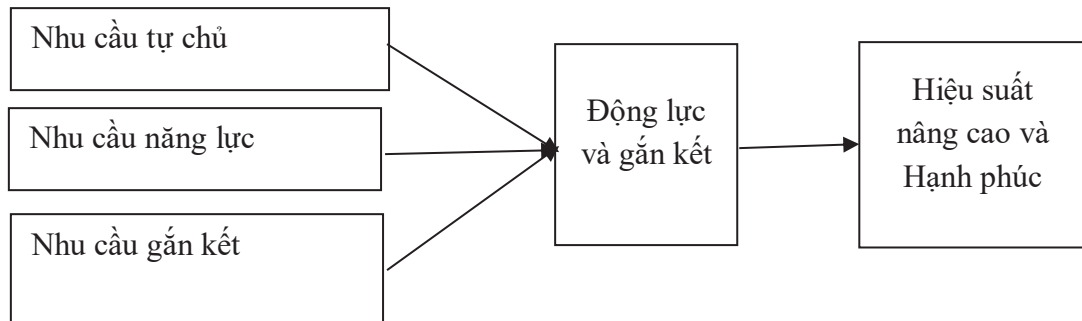
(1) Nhu cầu Tự chủ (Autonomy): Cảm giác rằng mọi hành vi hành động của cá nhân tự quyết định và kiểm soát nội tại, không bị chi phối bởi yếu tố bên ngoài, đồng thời phù hợp với nguyện vọng riêng.

(2) Nhu cầu Năng lực (Competence): Niềm tin vào năng lực cá nhân trong việc thực thi công việc, đạt được mục tiêu và làm chủ môi trường.

(3) Nhu cầu Gắn kết (Relatedness): Cảm

nhận sự gắn bó với những cá nhân xung quanh, quan tâm và thuộc về những người khác, được yêu thương và tôn trọng.

Theo Ryan và Deci (2017) việc thỏa mãn các nhu cầu này thúc đẩy động lực nội tại, phát triển tâm lý lành mạnh và hạnh phúc. Đặc biệt, SDT lý giải vai trò của động lực bên trong mỗi cá nhân: khi sinh viên nhận thấy NCKH thú vị thì động lực tham gia của họ tăng mạnh. SDT cũng nhấn mạnh ảnh hưởng của nhu cầu năng lực: sinh viên cảm nhận năng lực cao trong nghiên cứu sẽ có động cơ mạnh hơn. Điều này hoàn toàn tương thích với khái niệm tự tin học thuật (academic self-efficacy), theo đó sự tự tin càng cao thì ý định tham gia NCKH càng mạnh.



Hình 2. Mô hình SDT

(Nguồn: Ryan và Deci (2017))

2.1.3. Nghiên cứu liên quan

Maddens và cộng sự (2023) đã khảo sát ảnh hưởng của ba nhu cầu tâm lý cơ bản theo SDT (tự chủ, năng lực, gắn kết) đối với động lực học tập và kết quả học kỹ năng nghiên cứu của người học. Các nhà nghiên cứu so sánh học trực tuyến tiêu chuẩn với việc học có thêm yếu tố hỗ trợ nhu cầu tâm lý. Kết quả chỉ ra sự tiến bộ kỹ năng nghiên cứu, nhưng nhóm được hỗ trợ nhu cầu tâm lý thể hiện tốt hơn trong nhiệm vụ viết đề cương, phản ánh khả năng tích hợp kỹ năng cao hơn và động lực tự chủ hay bị kiểm soát, mức độ thiếu động lực (amotivation) có xu hướng thấp hơn ở nhóm được hỗ trợ nhu cầu tâm lý.

Nguyễn Thị Khánh Phương và cộng sự (2024) xác định ý định thực hiện NCKH của sinh viên chịu tác động bởi nhận thức về lợi ích của NCKH, sự hướng dẫn và khuyến khích từ nhà trường, sự ủng hộ từ gia đình, cùng với giới hạn về năng lực cá nhân.

Bùi Thị Lâm và Trần Mai Loan (2022) xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên: thái độ của sinh viên đối với NCKH, năng lực nghiên cứu của sinh viên, mức độ khuyến khích từ nhà trường và điều kiện thực tiễn triển khai.

2.1.4. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Từ các lý thuyết và thực tế tại trường Cao đẳng Đà Lạt, tác giả đưa ra 5 yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt: Thái độ NCKH, Điều kiện thực hiện NCKH tại trường, Chính sách NCKH của Nhà trường, Nhận thức về lợi ích của NCKH và Năng lực NCKH.

Tác giả đưa ra các giả thiết sau:

H1: Thái độ NCKH có ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt.

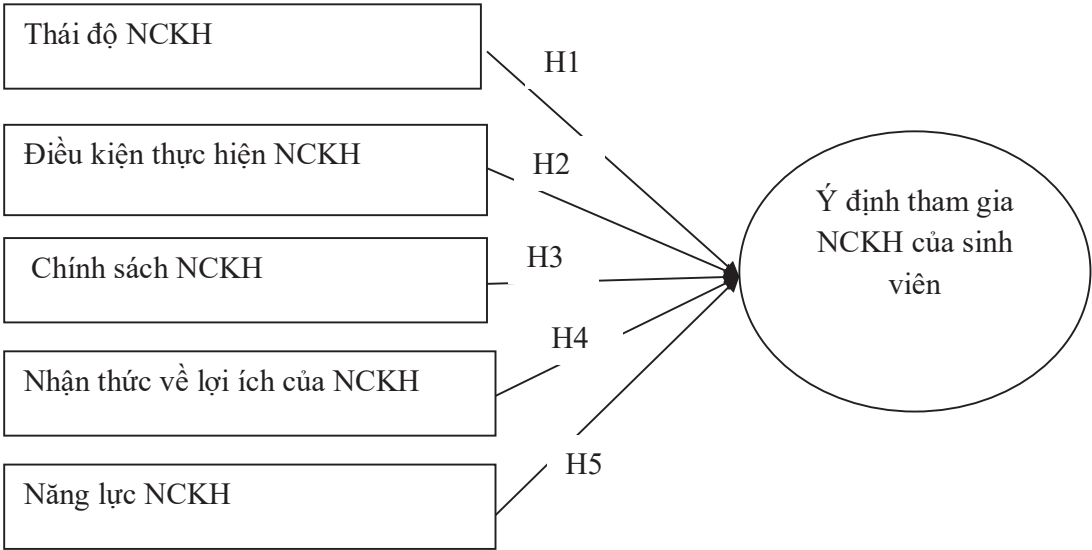
H2: Điều kiện thực hiện NCKH tại trường có ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt.

H3: Chính sách NCKH của Nhà trường có ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt.

H4: Nhận thức về lợi ích của NCKH có ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt.

H5: Năng lực NCKH có ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt.

Mô hình nghiên cứu như sau:



Thang đo nghiên cứu được tổng hợp qua bảng sau:

Bảng 1. Thang đo nghiên cứu

BIẾN QUAN SÁT	NGUỒN
1. Nhận thức về lợi ích của NCKH (5 biến quan sát)	
Tham gia nghiên cứu khoa học giúp phát triển tư duy logic và khả năng giải quyết vấn đề của tôi.	Nguyễn Thị Khánh Phương và cộng sự (2024) có hiệu chỉnh theo nghiên cứu định tính
Nghiên cứu khoa học cung cấp cho tôi kinh nghiệm quý báu trong việc viết báo cáo khoa học, chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp	
NCKH mang lại cơ hội giành các giải thưởng danh giá và công bố công trình nghiên cứu trên các tạp chí uy tín.	
Tham gia NCKH tạo cơ hội cải thiện thành tích học tập, bao gồm khả năng nhận được điểm thưởng từ khoa và nhà trường.	
NCKH gia tăng sự hiểu biết sâu sắc và thực tiễn của tôi về chuyên ngành đang học	
2. Thái độ NCKH của sinh viên (4 biến quan sát)	
Tôi cảm thấy rất hứng thú và yêu thích việc tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học.	Bùi Thị Lâm và Trần Mai Loan (2022) có hiệu chỉnh theo nghiên cứu định tính
Đối với tôi, nghiên cứu khoa học là một hoạt động hấp dẫn và đáng để đầu tư thời gian, công sức.	
Tôi luôn sẵn lòng tham gia nếu có cơ hội thực hiện một dự án nghiên cứu khoa học	

Tôi tin rằng việc tham gia nghiên cứu khoa học là một phần quan trọng và cần thiết trong quá trình học tập đại học của mình.	
3. Năng lực NCKH của sinh viên (4 biến quan sát)	
Tôi tự tin vào khả năng của mình trong việc tiếp thu kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện nghiên cứu khoa học.	Bùi Thị Lâm và Trần Mai Loan (2022); Nguyễn Thị Khánh Phương và cộng sự (2024) có hiệu chỉnh theo nghiên cứu định tính
Tôi tin tưởng vào khả năng hoàn thành thành công một dự án nghiên cứu khoa học.	
Tôi cảm thấy mình có đủ năng lực để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong quá trình nghiên cứu khoa học.	
Tôi có khả năng phát triển các ý tưởng nghiên cứu chuyên sâu và độc đáo	
4. Chính sách NCKH của Nhà trường (5 biến quan sát)	
Nhà trường và Khoa có các chính sách khen thưởng rõ ràng và hấp dẫn dành cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.	Bùi Thị Lâm và Trần Mai Loan (2022) có hiệu chỉnh theo nghiên cứu định tính
Nhà trường cung cấp các chương trình hỗ trợ tài chính hoặc nguồn lực cần thiết (ví dụ: kinh phí, vật tư) cho các dự án nghiên cứu khoa học của sinh viên.	
Nhà trường có các quy định và cơ chế khuyến khích giảng viên tích cực hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học.	
Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận các nguồn thông tin, tài liệu và cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu khoa học thông qua thực tế tại doanh nghiệp.	
Nhà trường có các hoạt động truyền thông và quảng bá hiệu quả nhằm lan tỏa phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.	
5. Điều kiện thực hiện NCKH (4 biến quan sát)	
Môi trường học tập và phong trào nghiên cứu khoa học trong khoa/lớp/ giữa các sinh viên rất tích cực và khuyến khích.	Bùi Thị Lâm và Trần Mai Loan (2022) có hiệu chỉnh theo nghiên cứu định tính
Tôi nhận được sự hướng dẫn và hỗ trợ nhiệt tình, đầy đủ từ các giảng viên trong quá trình định hướng nghiên cứu khoa học.	
Hệ thống thư viện và các thiết bị phòng thí nghiệm của trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của tôi.	
Mức kinh phí hỗ trợ dành cho một dự án nghiên cứu khoa học là phù hợp để tôi có thể triển khai nghiên cứu.	

6. Ý định tham gia NCKH của sinh viên (5 biến quan sát)

Tôi có kế hoạch rõ ràng để tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học trong thời gian tới.	Bùi Thị Lâm và Trần Mai Loan (2022); Nguyễn Thị Khánh Phương và cộng sự (2024) có hiệu chỉnh theo nghiên cứu định tính
Tôi chắc chắn sẽ chủ động tìm kiếm cơ hội để tham gia nghiên cứu khoa học trong tương lai gần.	
Khả năng tôi sẽ tham gia nghiên cứu khoa học trong học kỳ/năm học tới là rất cao	
Tôi xem việc tham gia nghiên cứu khoa học là một trong những ưu tiên hàng đầu trong quá trình học tập của mình.	
Tôi sẵn lòng dành thời gian và công sức cần thiết để thực hiện một dự án nghiên cứu khoa học.	

(Nguồn: tác giả tổng hợp và nghiên cứu)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp định tính được sử dụng để xây dựng bản câu hỏi khảo sát. Sau đó tác giả tiến hành việc thu thập và phân tích dữ liệu định lượng.

Kích thước mẫu, Theo Hair và cộng sự (2009) cũng đề xuất tối thiểu là 5 mẫu trên 1 biến quan sát. Với 27 thang đo, cần ít nhất 135 (27×5) bản khảo sát. Tác giả thực hiện

khảo sát 350 sinh viên.

Đối tượng khảo sát: Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua khảo sát bảng hỏi trực tiếp sinh viên cuối kỳ 2 đang học Trường CĐ Đà Lạt từ tháng 3 - 4 năm 2025 và áp dụng kỹ thuật lấy mẫu thuận tiện phân bổ theo số lượng sinh viên các ngành đảm bảo có tính đại diện theo ngành học:

Bảng 2. Đối tượng khảo sát

Khoa	Số lượng sinh viên
Khoa Công nghệ Thông tin	50
Khoa Điện – Điện tử	50
Khoa Cơ khí Động lực	50
Khoa Công nghệ Sinh học	50
Khoa Du lịch	50
Khoa Kinh tế	50
Khoa Ngoại ngữ	50

Thang đo nghiên cứu: Gồm các câu hỏi (biến quan sát) tương ứng với các thang đo sử dụng trong nghiên cứu thang đo Likert 5 mức độ. Đây là một dạng các câu hỏi dùng để đo lường mức độ đồng ý hay không đồng ý của các đối tượng nghiên cứu với những

phát biểu được thiết kế sẵn. Phần này được chia làm hai phần, một phần nêu ra các phát biểu và mã hoá các biến quan sát, phần còn lại đưa ra các mức độ từ “hoàn toàn đồng ý” đến “hoàn toàn không đồng ý”. Tương ứng với mỗi phát biểu, đối tượng được phỏng

vấn đánh dấu tròn vào lựa chọn tương ứng.

Dữ liệu được xử lý và phân tích trên SPSS phiên bản 20 theo quy trình sau: Đánh giá độ tin cậy thang đo, Phân tích nhân tố khám phá (EFA), Phân tích tương quan và Phân tích hồi quy đa biến

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nghiên cứu

Với 329 bản khảo sát thu về hợp lệ (/ 350 bản khảo sát phát ra) được đưa vào nghiên

cứu. Kết quả như sau:

3.1.1. Đo lường độ tin cậy thang đo

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá độ tin cậy của 27 biến quan sát, tác giả loại các biến: TDNC3 (Thái độ NCKH), cùng với CSNT4 và CSNT5 (Chính sách NCKH) không thỏa mãn tiêu chí tin cậy của thang đo. Hệ số Cronbach's Alpha của cả 6 nhóm nhân tố đều $> 0,6$ và 24 biến quan sát còn lại đáp ứng yêu cầu được tóm tắt như sau:

Bảng 3. Kết quả phân tích độ tin cậy

STT	Nhóm	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Thái độ NCKH	3	0,896
2	Điều kiện thực hiện NCKH	4	0,741
3	Chính sách NCKH	3	0,686
4	Nhận thức về lợi ích của NCKH	5	0,863
5	Năng lực NCKH	4	0,791
6	Ý định tham gia NCKH	5	0,909

(Nguồn: Phân tích dữ liệu nghiên cứu)

3.1.2. Đánh giá thang đo bằng phân tích nhân tố EFA

(1) Thực hiện phân tích nhân tố với các biến độc lập

Phân tích EFA được thực hiện với 19 biến quan sát độc lập còn lại sau bước kiểm định Cronbach's Alpha. Kết quả thể hiện:

hệ số KMO đạt 0,806 ($> 0,5$) cùng với Sig (Bartlett) = 0,000 cho thấy dữ liệu đáp ứng yêu cầu để tiến hành phân tích, 19 biến quan sát hình thành năm nhóm với Eigenvalue > 1 , phương sai trích giải thích 66,225% ($> 50\%$) sự thay đổi của tập dữ liệu. Kết quả chi tiết như sau:

Bảng 4. Ma trận các thành phần xoay (Rotated Component Matrix) cho biến độc lập

	Nhóm				
	1	2	3	4	5
NTLI4	0,809				
NTLI3	0,791				
NTLI5	0,762				
NTLI1	0,748				
NTLI2	0,733				
NL4		0,796			

NL3		0,730			
NL1		0,727			
NL2		0,687			
TDNC4			0,928		
TDNC1			0,925		
TDNC2			0,829		
DKTH4				0,858	
DKTH3				0,770	
DKTH1				0,652	
DKTH2				0,542	
CSNT2					0,730
CSNT3					0,726
CSNT1					0,688

(Nguồn: Phân tích dữ liệu nghiên cứu)

(2) Phân tích nhân tố các biến quan sát thuộc nhóm biến phụ thuộc

Phân tích EFA được thực hiện với 5 biến quan sát. Kết quả cho thấy hệ số KMO đạt 0,811 ($> 0,5$) cùng với Sig (Bartlett) = 0,000

cho thấy dữ liệu đáp ứng yêu cầu để tiến hành phân tích, 5 biến quan sát hình thành một nhóm với Eigenvalue > 1 , phương sai trích giải thích 73,559% ($> 50\%$) sự thay đổi của tập dữ liệu. Kết quả chi tiết như sau:

Bảng 5. Kết quả phân tích yếu tố Ý định

	Hệ số tải
YD5	0,931
YD3	0,928
YD2	0,824
YD4	0,815
YD1	0,784

(Nguồn: Phân tích dữ liệu nghiên cứu)

Phân tích EFA không có biến nào bị loại bỏ. Nghiên cứu giữ lại 24 biến quan sát, bao gồm 19 biến đo lường 5 nhân tố độc lập và 5 biến đo lường 1 nhân tố phụ thuộc. Các thang đo đều đạt được tính hội tụ.

3.1.3. Phân tích tương quan

Kiểm định mối quan hệ tương quan giữa các yếu tố Thái độ NCKH, Điều kiện thực hiện NCKH tại trường, Chính sách NCKH

của Nhà trường, Nhận thức về lợi ích của NCKH và Năng lực NCKH với Ý định tham gia NCKH của sinh viên đều có mức ý nghĩa thống kê $< 0,01$ cho thấy các yếu tố Thái độ NCKH, Điều kiện thực hiện NCKH tại trường, Chính sách NCKH của Nhà trường, Nhận thức về lợi ích của NCKH và Năng lực NCKH có tương quan với Ý định tham gia NCKH của sinh viên.

Bảng 6. Phân tích tương quan

	NTLI	TD	NL	CSNT	DKTH	YD
Hệ số tương quan	0,423**	0,180**	0,505**	0,739**	0,439**	1
YD Mức ý nghĩa	0,000	0,001	0,000	0,000	0,000	
N	329	329	329	329	329	329

(Nguồn: Phân tích dữ liệu nghiên cứu)

3.1.4. Phân tích hồi quy

Kết quả kiểm định mô hình hồi quy bao gồm Thái độ NCKH, Điều kiện thực hiện NCKH tại trường, Chính sách NCKH

của Nhà trường, Nhận thức về lợi ích của NCKH và Năng lực NCKH ảnh hưởng đến Ý định tham gia NCKH của sinh viên (YD) như sau:

Bảng 7. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	R ² điều chỉnh	Sai số chuẩn ước lượng	Trị số thống kê Durbin-Watson
1	,790 ^a	,625	,619	,39579	1,838

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số chuẩn hoá	t	Mức ý nghĩa (Sig.)	Đa cộng tuyến	
	Hệ số B	Độ lệch chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
(Constant)	-1,233	,237		-5,199	,000		
1 NTLI	,103	,042	,094	2,450	,015	,783	1,277
TD	,048	,031	,056	1,563	,119	,909	1,101
NL	,233	,052	,186	4,522	,000	,688	1,453
CSNT	,791	,056	,574	14,147	,000	,705	1,418
DKTH	,162	,049	,128	3,310	,001	,773	1,294

(Nguồn: Phân tích dữ liệu nghiên cứu)

Hệ số xác định R² bằng 0,619 (61,9%), tức mô hình hiện tại giải thích 61,9% phương sai của ý định tham gia NCKH; Kiểm định ANOVA cho thấy F = 107,480 với Sig. = 0,000 (< 0,05), bác bỏ H₀ (R² tổng thể = 0), chứng minh mô hình hồi quy đạt ý nghĩa thống kê và phù hợp với toàn bộ mẫu nghiên cứu; Với hệ số Durbin–Watson = 1,838 (trong khoảng 1–3), cho

thấy không tồn tại tự tương quan phần dư và tất cả VIF < 10 nên loại trừ nguy cơ đa cộng tuyến.

Theo Bảng 7: Yếu tố Thái độ NCKH (TDNC) có mức ý nghĩa = 0,119 (> 0,05), cho thấy Thái độ NCKH (TDNC) không ảnh hưởng đến Ý định tham gia NCKH của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt.

Với mức ý nghĩa $< 0,05$ thì Điều kiện thực hiện NCKH tại trường, Chính sách NCKH của Nhà trường, Nhận thức về lợi ích của NCKH và Năng lực NCKH có ảnh hưởng đến Ý định tham gia NCKH của sinh viên (YD) Trường Cao đẳng Đà Lạt. Kết quả được thể hiện qua phương trình sau:

$$YD = 0,094*NTLI + 0,186*NL + 0,574*CSNT + 0,128*DKTH$$

3.1.5. Kiểm định sự khác biệt về ý định tham gia NCKH của sinh viên (YD) giữa các Khoa

Phân tích phương sai ANOVA để xem xét sự khác biệt về Ý định tham gia NCKH của sinh viên (YD) theo các Khoa. Kết quả của bảng Test of Homogeneity of Variances cho thấy mức ý nghĩa Sig = 0,167 > 0,05, vậy ta có thể chấp nhận giả thuyết H_0 rằng phương sai của hai tổng thể bằng nhau, hay có thể nói phương sai của Ý định tham gia NCKH của sinh viên (YD) giữa 7 Khoa không khác nhau một cách có ý nghĩa thống kê. Như vậy, kết quả phân tích ANOVA có thể sử dụng được.

Theo kết quả phân tích ANOVA, mức ý nghĩa Sig = 0,012 < 0,05 nên ta có thể kết luận có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về Ý định tham gia NCKH của sinh viên (YD) giữa 7 Khoa trong trường Cao đẳng Đà Lạt.

3.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Dựa trên kết quả phân tích hồi quy, mức độ tác động của các yếu tố đến ý định tham gia NCKH của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt được xác định theo thứ tự giảm dần (dựa trên β): Chính sách NCKH Nhà trường ($\beta = 0,574$), Năng lực NCKH ($\beta = 0,186$), Điều kiện thực hiện NCKH tại trường ($\beta = 0,128$) và Nhận thức về lợi ích của NCKH ($\beta = 0,094$). Yếu tố Thái độ NCKH (TDNC) không ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên.

Kết quả này khẳng định rằng Chính sách NCKH của Nhà trường là yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến ý định tham gia NCKH của sinh viên. Điều này nhấn mạnh vai trò thiết yếu của các chính sách hỗ trợ và khuyến khích chính thức từ cấp độ tổ chức trong việc thúc đẩy sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu. Tiếp theo là Năng

lực NCKH của sinh viên, cho thấy tầm quan trọng của việc trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để họ cảm thấy tự tin và có khả năng thực hiện NCKH. Điều kiện thực hiện NCKH tại trường và Nhận thức về lợi ích của NCKH cũng là những yếu tố có tác động tích cực, mặc dù mức độ ảnh hưởng thấp hơn so với Chính sách Nhà trường và Năng lực.

Đáng chú ý là yếu tố Thái độ NCKH của sinh viên không cho thấy tác động đến ý định tham gia NCKH của sinh viên là một điểm khác biệt so với một số nghiên cứu của Bùi Thị Lâm và Trần Mai Loan (2022). Sự khác biệt này có thể xuất phát từ đặc thù của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt hoặc bối cảnh cụ thể của nghiên cứu, nơi các yếu tố mang tính cấu trúc (chính sách, điều kiện) và khả năng nội tại (năng lực) có thể chi phối mạnh mẽ hơn so với thái độ cá nhân thuần túy trong việc hình thành ý định tham gia NCKH. Điều này gợi ý rằng đối với nhóm đối tượng này, việc tạo ra môi trường thuận lợi và củng cố năng lực thực hành có thể quan trọng hơn việc chỉ tập trung vào việc tạo dựng thái độ tích cực ban đầu.

Nghiên cứu này ủng hộ nghiên cứu của Nguyễn Thị Khánh Phương và cộng sự (2024) là xác định ý định thực hiện NCKH của sinh viên chịu tác động bởi nhận thức về lợi ích của NCKH, Chính sách NCKH của Nhà trường và Năng lực NCKH của sinh viên. Nghiên cứu này cũng ủng hộ nghiên cứu của Bùi Thị Lâm và Trần Mai Loan (2022) xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên Chính sách NCKH của Nhà trường, Năng lực NCKH và Điều kiện thực hiện NCKH tại trường.

4. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

Nghiên cứu này đã thành công trong việc xác định 4 yếu tố có tác động đáng kể đến ý định tham gia NCKH của sinh viên Trường Cao đẳng Đà Lạt, bao gồm: Nhận thức về lợi ích của NCKH, Năng lực NCKH, Điều kiện thực hiện NCKH tại trường và Chính sách NCKH của Nhà trường. Để phát triển hoạt động NCKH tại trường, tác giả đưa ra một số hàm ý sau:

(1) Đối với nhóm yếu tố Chính sách NCKH của Nhà trường, Trường Cao đẳng Đà Lạt nên:

Một là, Xây dựng và truyền thông chính sách khen thưởng rõ ràng, hấp dẫn: Để sinh viên có động lực tham gia, Trường Cao đẳng Đà Lạt cần thiết lập một hệ thống khen thưởng rõ ràng, minh bạch và đủ sức hấp dẫn. Điều này bao gồm việc công bố công khai các tiêu chí đánh giá, hình thức khen thưởng (tiền mặt, học bổng, ưu tiên xét tốt nghiệp, giấy khen, cơ hội công bố bài viết, v.v.) và quy trình xét duyệt.

Hai là, Tăng cường hỗ trợ tài chính và nguồn lực nghiên cứu: Nghiên cứu khoa học thường đòi hỏi chi phí và tài nguyên. Trường cần cung cấp các chương trình hỗ trợ tài chính linh hoạt và nguồn lực cần thiết cho các dự án nghiên cứu của sinh viên. Việc đơn giản hóa thủ tục xin cấp kinh phí và nguồn lực, cùng với việc công bố các dự án đã được tài trợ, sẽ khuyến khích sinh viên tự tin hơn khi đề xuất ý tưởng và thực hiện nghiên cứu của mình.

Ba là, Phát triển cơ chế khuyến khích giảng viên hướng dẫn: Vai trò của giảng viên là then chốt trong việc định hướng và hỗ trợ sinh viên. Trường Cao đẳng Đà Lạt nên xây dựng các cơ chế khuyến khích giảng viên tích cực tham gia hướng dẫn nghiên cứu khoa học của sinh viên. Điều này có thể bao gồm việc tính điểm nghiên cứu khoa học sinh viên vào việc ưu tiên trong việc xét các danh hiệu thi đua.

(2) Đối với nhóm yếu tố Điều kiện thực hiện NCKH tại trường, Trường Cao đẳng

Đà Lạt nên:

Một là, Xây dựng môi trường NCKH năng động và kết nối: Để thúc đẩy sinh viên chủ động nghiên cứu khoa học (NCKH), Trường Cao đẳng Đà Lạt cần kiến tạo môi trường học tập và NCKH tích cực từ cấp khoa đến lớp học. Điều này bao gồm tổ chức các câu lạc bộ, diễn đàn, cuộc thi khoa học và buổi chia sẻ kinh nghiệm. Khuyến khích tương tác, làm việc nhóm sẽ lan tỏa tinh thần NCKH, tạo cộng đồng hỗ trợ.

Hai là, Nâng cao chất lượng và tính sẵn sàng của công tác hướng dẫn: Sự hỗ trợ của giảng viên là cực kỳ quan trọng đối với nghiên cứu khoa học của sinh viên. Nhà trường cần đảm bảo giảng viên có đủ thời gian, kinh nghiệm và nhiệt huyết để hướng dẫn. Có thể giảm tải giờ dạy, tổ chức các khóa bồi dưỡng về phương pháp hướng dẫn và thiết lập cơ chế công nhận.

Ba là, Tăng cường đầu tư vào hệ thống hạ tầng nghiên cứu. Điều này bao gồm việc nâng cấp thư viện với nguồn tài liệu đa dạng, cập nhật (cả bản cứng và bản điện tử) và trang bị phòng thí nghiệm hiện đại, đảm bảo thiết bị luôn sẵn sàng sử dụng. Việc đào tạo sinh viên về cách sử dụng hiệu quả các tài nguyên này cũng rất quan trọng.

Bốn là, Đảm bảo mức kinh phí hỗ trợ NCKH phù hợp và minh bạch: Nhà trường nên xây dựng quỹ hỗ trợ với mức kinh phí phản ánh đúng chi phí thực tế của đề tài. Quy trình xét duyệt và cấp phát kinh phí phải đơn giản, minh bạch, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận. Việc công bố các dự án được tài trợ sẽ khuyến khích thêm nhiều sinh viên tham gia.

(3) Đối với nhóm yếu tố Năng lực NCKH của sinh viên, Trường Cao đẳng Đà Lạt nên:

Một là, Nâng cao kiến thức và kỹ năng nền tảng qua chương trình học: Để sinh viên tự tin vào khả năng tiếp thu, nhà trường cần lồng ghép và tăng cường các môn học,

chuyên đề về phương pháp nghiên cứu, tư duy phản biện, và kỹ năng mềm ngay từ những năm đầu. Các khóa học này không chỉ cung cấp kiến thức mà còn giúp sinh viên làm quen với quy trình nghiên cứu, từ đó cảm thấy tự tin hơn khi bắt đầu.

Hai là, Tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề và tập huấn: Để củng cố niềm tin vào khả năng hoàn thành dự án, Trường Cao đẳng Đà Lạt nên thường xuyên tổ chức các buổi workshop thực hành về kỹ năng nghiên cứu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo. Đồng thời, khuyến khích các dự án nghiên cứu nhỏ, ngắn hạn để sinh viên có cơ hội tham gia vào nghiên cứu và trải nghiệm thành công ban đầu.

Ba là, Khuyến khích tư duy sáng tạo và định hướng phát triển ý tưởng từ sớm cho sinh viên: Để thúc đẩy khả năng phát triển ý tưởng độc đáo, nhà trường cần tạo ra môi trường mở khuyến khích tư duy sáng tạo và tranh luận học thuật. Các cuộc thi ý tưởng nghiên cứu, diễn đàn khoa học sinh viên định kỳ có thể là nơi sinh viên trình bày và nhận góp ý cho các ý tưởng ban đầu, từ đó ươm mầm cho những đề tài chuyên sâu hơn.

(4) Đối với nhóm yếu tố Nhận thức về lợi ích của NCKH của sinh viên, Trường Cao đẳng Đà Lạt nên:

Một là, Nhấn mạnh và minh họa cụ thể việc phát triển tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề: Trường cần tổ chức các buổi hội

thảo, chia sẻ kinh nghiệm từ sinh viên đã tham gia NCKH, hoặc đưa vào các môn học những ví dụ thực tiễn về cách NCKH giúp rèn luyện tư duy logic và kỹ năng giải quyết vấn đề. Khi sinh viên thấy được lợi ích trực tiếp này, họ sẽ có động lực hơn.

Hai là, Hỗ trợ kỹ năng viết báo cáo khoa học: Tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu về viết báo cáo khoa học, chuyên đề, và khóa luận tốt nghiệp, đồng thời khuyến khích giảng viên lồng ghép kỹ năng này vào các môn học chuyên ngành. Hỗ trợ sinh viên trong quá trình này sẽ giúp họ tự tin hơn khi thực hiện các công trình nghiên cứu.

Ba là, Quảng bá các cơ hội giải thưởng và công bố công trình: Trường nên chủ động quảng bá rộng rãi các giải thưởng NCKH uy tín (cấp trường, cấp bộ, quốc gia) và cơ hội công bố bài viết trên các tạp chí khoa học. Lập danh sách các tạp chí phù hợp cho sinh viên, tổ chức các buổi giới thiệu quy trình nộp bài, và vinh danh công khai các sinh viên đạt giải để tạo động lực.

Bốn là, Đặt ra chính sách cộng điểm khuyến khích thành tích học tập: Triển khai chính sách cộng điểm rõ ràng và hấp dẫn cho sinh viên tham gia NCKH, đặc biệt là những đề tài có chất lượng hoặc đoạt giải. Điều này không chỉ khuyến khích mà còn giúp sinh viên nhận thấy NCKH có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập tổng thể của mình.

Thông tin tác giả:

ThS. Nguyễn Thị Thúy, Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Email: nguyenthithuy87@cddl.edu.vn

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 30/06/2025

Ngày hoàn thiện biên tập: 11/08/2025

Ngày duyệt đăng: 14/08/2025

Ghi chú

Tác giả xác nhận không có tranh chấp về lợi ích đối với bài báo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ajzen, I. (1985). From intentions to actions: A theory of planned behavior. In J. Kuhl & J. Beckmann (Eds.), *Action control: From cognition to behavior* (pp. 11-39). Springer.
- Babbie, E. (1989). *The practice of social research* (5th ed.). Wadsworth Publishing.
- Bùi Thị Lâm và Trần Mai Loan (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, 10(144), 9-16.
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E., & Tatham, R. L. (2009). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Pearson Prentice Hall.
- Maddens, R., Verbeken, K., & Engels, N. (2023). Supporting basic psychological needs to foster student motivation and research skill outcomes in a 4C/ID model-based online learning environment. *Learning and Instruction*, 83, 101708.
- Nguyễn Thị Khánh Phương, Nguyễn Thị Thoa và Nguyễn Thị Lan (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Kế toán – Kiểm toán tại Học viện Ngân hàng. *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, (253), 44-51.
- Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2017). *Self-determination theory: Basic psychological needs in motivation, development, and wellness*. Guilford Press.
- Zikmund, W. G. (2000). *Business research methods* (6th ed.). Dryden Press.

FACTORS AFFECTING STUDENTS' INTENTION TO PARTICIPATE IN SCIENTIFIC RESEARCH AT DA LAT COLLEGE

Nguyen Thi Thuy

Faculty of Economics, Da Lat College, Lam Dong Province, Vietnam

Abstract: *The study utilized a qualitative approach for scale development and a quantitative approach for model validation. The data were collected through a survey of students at Dalat College and analyzed using SPSS version 20 for statistical analysis. The regression analysis revealed four key factors influencing students' intention to engage in scientific research at Dalat College. These factors, ranked in ascending order of impact, include: perceived benefits of scientific research ($\beta = 0.094$), institutional research conditions ($\beta = 0.128$), students' competence ($\beta = 0.186$), and institutional policy support ($\beta = 0.574$). In addition to empirically validating theoretical models, the study also offers practical insights to assist Dalat College in formulating appropriate management policies aimed at encouraging student participation in research activities.*

Keywords: *Da Lat College, factor affecting, intention to participate in scientific research, research, student*

Author Information:

M.A. Nguyen Thi Thuy, Faculty of Economics, Da Lat College, Lam Dong Province, Vietnam

Email: nguyenthithuy87@cddl.edu.vn

Note

The author declares no competing interests.